

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B1LX**

Năm học: **22-23**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04226**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802033141	Huỳnh Nguyễn Lan Anh	29/01/2007					7.5	7.0	7.5	7.0	7.0		5.2		6.0
2	2254802033142	Trần Phương Anh	05/12/2007					9	6.0	5.5	6.0	6.0		4.8		5.4
3	2254802033143	Võ Thị Ngọc Bích	18/06/2007					10	6.5	8.0	4.0	8.0		3.0		4.6
4	2254802033144	Lê Công Chánh	28/03/2006					10	9.5	8.5	8.0	8.0		9.0		8.9
5	2254802033145	Dương Quốc Tuấn Em	23/12/2007					8.5	8.0	6.5	6.0	6.5		7.8		7.5
6	2254802033146	Huỳnh Thị Như Hiền	02/05/2007					7	5.0	5.0	4.0	5.0		5.2		5.1
7	2254802033147	Trần Huỳnh Trung Hiếu	20/11/2007					10	9.5	9.0	7.5	9.5		7.4		8.0
8	2254802033148	Trần Thị Kim Hoàn	19/06/2007					5.5	8.5	7.0	6.5	8.5		7.6		7.5
9	2254802033149	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	28/04/2007					8	9.5	9.5	8.0	9.5		9.0		9.0
10	2254802033150	Nguyễn Phúc Huy	25/08/2003					7	6.0	8.0	7.0	7.0		8.0		7.6
11	2254802033151	Thị Hoàng Nhật Huy	14/12/2007					9.5	7.5	3.5	3.5	7.5		6.0		6.0
12	2254802033152	Nguyễn Tuấn Kiệt	25/09/2007					10	4.0	0.0	0.0	4.0		0.0	0.0	1.2
13	2254802033153	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	18/11/2007					5.5	6.5	5.0	6.0	6.5		5.2		5.5
14	2254802033154	Trần Mỹ Linh	20/01/2007					7.5	5.0	4.0	5.5	5.5		4.8		5.0
15	2254802033155	Đặng Tấn Lộc	06/10/2007					9	5.5	3.5	3.5	5.5		5.6		5.4
16	2254802033156	Nguyễn Xuân Phát Lợi	06/05/2007					8.5	7.5	7.0	5.5	7.5		6.8		6.9
17	2254802033157	Lê Hoàng Long	26/12/2007					9.5	6.5	2.0	3.0	6.5		5.8		5.5
18	2254802033158	Nguyễn Thị Hồng Mai	28/01/2007					9	7.5	6.0	6.5	7.5		8.2		7.8
19	2254802033159	Phạm Thị Trúc Mai	10/12/2007					5.5	7.5	6.0	6.5	7.5		8.2		7.6
20	2254802033160	Nguyễn Ngọc Ngân	28/11/2007					4	5.0	4.5	5.5	5.5		9.6		7.8
21	2254802033161	Trương Thanh Ngoan	08/04/2007					9	8.5	8.0	7.0	8.5		8.6		8.4
22	2254802033162	Phạm Hữu Ngọc	24/06/2007					6.5	7.5	5.0	5.5	7.5		7.2		6.9
23	2254802033163	Lê Quỳnh Như	04/04/2007					7.5	6.0	5.0	4.0	6.0		5.4		5.4
24	2254802033164	Nguyễn Văn Quốc	20/02/2002					10	6.5	5.5	5.5	5.5		6.4		6.3
25	2254802033165	Phan Hữu Tài	04/01/2007					9	6.5	6.0	6.0	6.5		5.8		6.1
26	2254802033166	Dương Thanh Thanh	31/10/2006					9	8.0	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6
27	2254802033167	Nguyễn Phan Hữu Thành	21/08/2007					9.5	7.5	7.0	6.0	7.5		7.8		7.6
28	2254802033168	Nguyễn Trường Thịnh	03/04/2007					6.5	6.0	5.5	7.5	7.5		8.4		7.7
29	2254802033169	Lê Anh Thư	30/07/2007					10	0.0	0.0	4.0	4.0		0.0	0.0	1.2
30	2254802033170	Phan Hữu Trí	25/05/2007					8.5	7.5	7.0	8.0	7.5		6.4		6.9
31	2254802033171	Phùng Thị Tú Trinh	29/05/2007					3	8.5	6.5	5.0	8.5		6.4		6.5
32	2254802033172	Võ Thị Kim Trúc	04/07/2007					7.5	5.0	4.5	4.5	5.0		3.4		4.1
33	2254802033173	La Nguyễn Thanh Tiên	02/04/2006					9	9.5	8.0	7.0	8.0		7.0		7.5
34	2254802033174	Đoàn Minh Ý	18/02/2002					10	7.0	7.0	7.0	7.0		8.2		7.9
35	2254802033175	Huỳnh Ngọc Yến	12/10/2007					7.5	5.5	6.0	4.0	6.0		6.8		6.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Đỗ Thị Hải Nhi